

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002245

Trang : 1/2

Môn học: **Lò hơi (228319) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

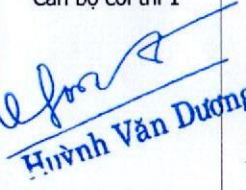
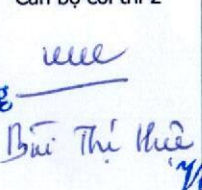
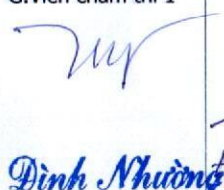
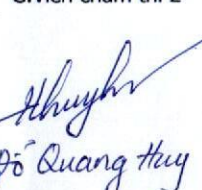
Giờ: **09:45**

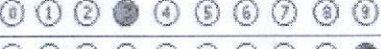
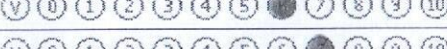
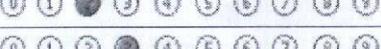
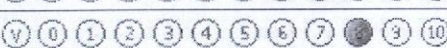
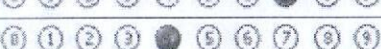
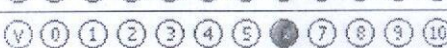
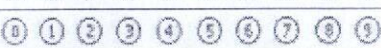
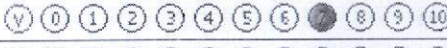
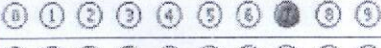
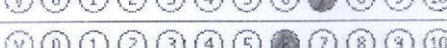
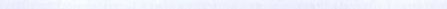
Phòng thi: **B108**

Số SV có mặt: **30**.....

Số bài thi: **30**.....

Số tờ giấy thi: **30**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Huỳnh Văn Dương	 Bùi Thị Huệ	 Vũ Đình Nhường	 Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180070	CAO TUẤN ANH	11/11/2002	CCQ2018C		1		6,8	5,5	6,0		
2	2121180006	NGÔ MINH ÂU	06/11/2003	CCQ2118A		1		5,2	7,0	6,3		
3	2121180044	TRẦN HẢI ÂU	30/11/2003	CCQ2118B		1		6,5	5,5	5,9		
4	2120170073	NGUYỄN NGỌC BẢO	27/07/2002	CCQ2018C		1		5,0	7,5	6,5		
5	2120180076	NGUYỄN QUỐC BẢO	18/03/2002	CCQ2018C		1		5,6	7,5	6,7		
6	2121180021	VÕ CAO BẢO	13/08/2003	CCQ2118A		1		5,8	6,5	6,2		
7	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ2118B		1		7,8	7,0	7,3		
8	2121180067	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/2003	CCQ2118B		1		8,9	8,0	8,4		
9	2121180056	CAO NHẤT DANH	28/06/2003	CCQ2118B		1		7,4	7,5	7,5		
10	2121180046	NGUYỄN HOÀN DIỆU	10/07/2003	CCQ2118B		1		8,1	7,5	7,7		
11	2121180014	TRỊNH MINH DU	14/12/2003	CCQ2118A		1		5,6	7,0	6,4		
12	2120180072	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2002	CCQ2018C		1		6,6	6,5	6,5		
13	2121180048	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	06/05/2003	CCQ2118B		1		7,4	8,0	7,8		
14	2121180018	TRẦN QUÍ ĐÀI	09/10/2003	CCQ2118A		1		5,4	6,5	6,1		
15	2120180080	DƯƠNG HUỖNH ĐỨC	10/01/2002	CCQ2018C		1		5,9	6,5	6,3		
16	2120170394	PHAN HUỖNH ĐỨC	30/11/2002	CCQ2018C		1		6,6	8,5	7,7		
17	2120180011	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/09/2002	CCQ2018A		1		7,8	7,0	7,3		
18	2121180004	TRỊNH VĂN HIỀN	08/05/2003	CCQ2118A		1		5,0	7,0	6,2		
19	2121180022	HỒ CHÂU NGỌC HIẾU	24/01/2003	CCQ2118A		1		7,1	7,5	7,3		
20	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU	20/09/2003	CCQ2118B		1		6,4	6,5	6,5		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002245

Trang : 2/2

Môn học: **Lò hơi (228319) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B108**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1 <i>Huỳnh Văn Dương</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Bùi Thị Huệ</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Vũ Đình Nhường</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Quang Huy</i>
--	--	--	---------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180053	NGUYỄN HUỖNH MINH HIẾU	27/01/2003	CCQ2118B		1	<i>Minh</i>	8,4	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121180030	NGUYỄN KẾ	07/05/2003	CCQ2118A		1	<i>Kế</i>	6,9	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121180023	LÊ ĐĂNG	28/04/2003	CCQ2118A		1	<i>Huy</i>	5,0	7,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121180009	ĐẶNG TRUNG	05/09/2003	CCQ2118A		1	<i>Kiên</i>	6,9	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180055	NGUYỄN TẤN	04/10/2003	CCQ2118B		1	<i>Tấn</i>	6,6	7,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121180058	PHAN NHẬT	27/04/2003	CCQ2118B		1	<i>Linh</i>	5,0	7,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121180026	TĂNG CHÂU BÌNH	29/05/2003	CCQ2118A		1	<i>Linh</i>	6,8	7,5	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120180090	NGUYỄN THANH	26/01/2002	CCQ2018C		1	<i>Long</i>	5,0	6,0	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121180042	LÊ CÔNG	06/02/2003	CCQ2118B		1	<i>Long</i>	6,6	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121180008	TRẦN VĂN	14/01/2003	CCQ2118A		1	<i>Mạnh</i>	7,2	6,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002246

Trang : 1/2

Môn học: **Lò hơi (228319) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B107**

Số SV có mặt: **27**

Số bài thi: **27**

Số tờ giấy thi: **27**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Huỳnh</i> <i>Tân Hoạt</i>	<i>Vũ T. Huỳnh</i>	<i>Vũ Đình Nhường</i>	<i>Pho Quang Huy</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180049	HÀ THANH NAM	10/11/2003	CCQ2118B		1	<i>Neum</i>	5,0	7,0	6,2	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B		1	<i>Nguyễn</i>	7,1	8,0	7,6	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120180019	TẠ TRUNG NGUYỄN	06/04/2002	CCQ2018A		1	<i>nguyên</i>	6,4	8,5	7,7	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180031	VĂN QUYẾT CÔNG NHÃN	12/04/2002	CCQ2118A		1	<i>nhân</i>	5,9	7,0	6,6	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A		1	<i>zh</i>	6,9	8,0	7,6	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180035	TRẦN ĐỨC NHUẬN	28/07/2003	CCQ2118A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180003	ĐẶNG MINH NHỰT	22/05/2002	CCQ2118A		1	<i>Như</i>	6,5	7,5	7,1	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180016	PHAN HOÀNG PHÚC	30/06/2003	CCQ2118A		1	<i>Ph</i>	5,7	6,5	6,2	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180002	NGUYỄN THẾ QUẢNG	03/03/2003	CCQ2118A		1	<i>Quảng</i>	5,9	7,5	6,9	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121180062	ĐOÀN NGUYỄN MINH QUYỀN	28/05/2003	CCQ2118B		1	<i>Mu</i>	6,6	8,5	7,7	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121180037	ĐẶNG THANH SƠN	06/02/2003	CCQ2118B		1	<i>Son</i>	6,9	7,5	7,3	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B		1	<i>T</i>	7,4	8,0	7,8	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121180052	ĐẶNG VĂN THIÊN	11/06/2002	CCQ2118B		1	<i>Thien</i>	7,8	7,0	7,3	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121180068	HUỲNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B		1	<i>H</i>	7,0	8,5	7,9	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120180027	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	09/11/2002	CCQ2018A		1	<i>Th</i>	7,8	8,5	8,2	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121180034	NGUYỄN QUANG THƯỜNG	07/03/2003	CCQ2118A		1	<i>Thuong</i>	6,5	7,5	7,1	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B		1	<i>Tuan</i>	8,8	9,0	8,9	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121180013	NGUYỄN THÀNH TIN	12/12/2003	CCQ2118A		1	<i>T</i>	6,7	7,0	6,9	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120180029	HỒ TRUNG TÍN	27/08/2000	CCQ2018A		1	<i>Tin</i>	8,9	8,5	8,7	<i>V</i> 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002246

Trang : 2/2

Môn học: **Lò hơi (228319) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B107**

Số SV có mặt: **27**

Số bài thi: **27**

Số tờ giấy thi: **27**

Cán bộ coi thi 1 Trần V. Hoa	Cán bộ coi thi 2 Vu T. Hien	G.Viên chấm thi 1 Vu Dinh Nhung	G.Viên chấm thi 2 Quang Huy
-------------------------------------	------------------------------------	--	------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180005	NGUYỄN VĂN TOÀN	19/07/2003	CCQ2118A		1		6,2	7,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121180012	NGUYỄN TẤN TRIỂN	20/06/2002	CCQ2118A		1		7,0	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121180029	NGUYỄN MINH TRỌNG	09/10/2003	CCQ2118A		1		5,5	7,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121180001	ĐỖ ĐAN TRƯỜNG	18/08/2003	CCQ2118A		1		6,3	7,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B		1		7,1	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121180007	ĐẶNG BẢO TUẤN	26/01/2003	CCQ2118A		1		6,8	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180032	PHẠM QUỐC TUẤN	28/01/2002	CCQ2018A		1		7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120180033	LÊ ĐIỀN VĂN	04/03/2002	CCQ2018A		1		6,8	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120060054	ĐỖ HOÀNG ĐÌNH VŨ	14/12/2000	CCQ2018C		1		5,5	8,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120180087	LÊ THANH VŨ	24/12/2002	CCQ2018C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002247

Trang : 1/2

Môn học: **Lò hơi (228319) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

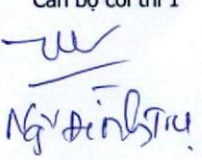
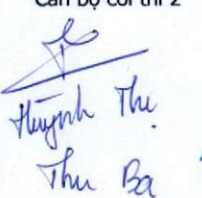
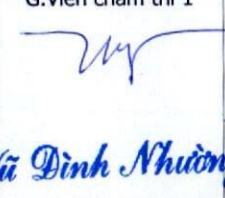
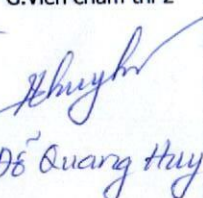
Giờ: **09:45**

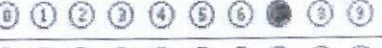
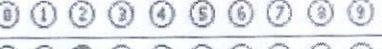
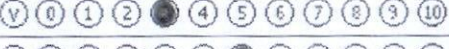
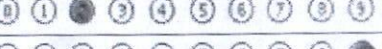
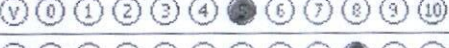
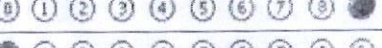
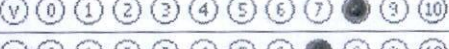
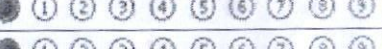
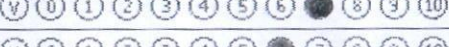
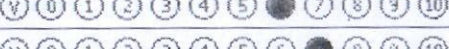
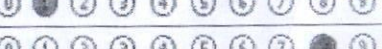
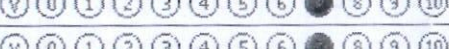
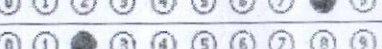
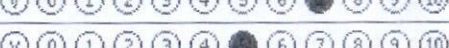
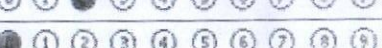
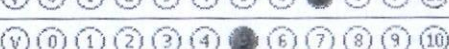
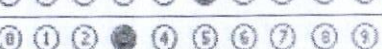
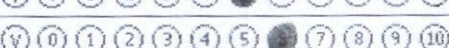
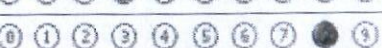
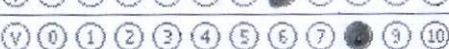
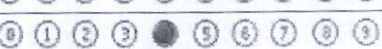
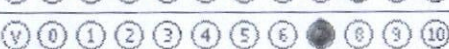
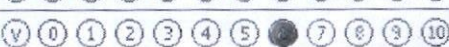
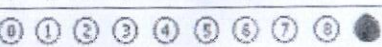
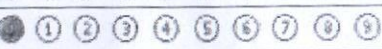
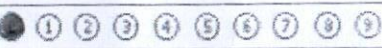
Phòng thi: **D5-30**

Số SV có mặt: **28**.....

Số bài thi: **2**.....

Số tờ giấy thi: **2**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180092	HỒ SĨ AN	27/03/2003	CCQ2118C		1		6,8	5,0	5,7		
2	2121180103	LÊ VĨ ÂN	19/09/2003	CCQ2118C								
3	2120180037	NGUYỄN TRỌNG DINH	06/01/2002	CCQ2018B		1		5,0	2,0	3,2		
4	2121180083	PHẠM PHƯỚC DỰ	27/10/2003	CCQ2118C		1		5,0	6,5	5,9		
5	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C		1		8,8	7,5	8,0		
6	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A		1		6,3	7,5	7,0		
7	2120180010	CAO HẢI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A		1		7,0	5,5	6,1		
8	2121180107	DƯƠNG VĨNH HÀO	30/04/2003	CCQ2118C		1		8,3	7,5	7,8		
9	2121180106	TRẦN ĐÌNH HÀO	11/08/2002	CCQ2118C		1		8,2	6,5	7,2		
10	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A		1		6,4	4,0	5,0		
11	2121180032	NGUYỄN QUỐC HIỆP	16/06/2003	CCQ2118A		1		8,2	7,0	7,5		
12	2121180017	HUỲNH TRỌNG HIẾU	18/12/2003	CCQ2118A		1		5,0	5,5	5,3		
13	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A		1		6,4	7,0	6,8		
14	2121180096	NGUYỄN THANH HOÀNG	02/10/2003	CCQ2118C		1		9,0	8,0	8,4		
15	2121180101	DỤNG MINH HUY	15/06/2003	CCQ2118C		1		7,5	7,5	7,5		
16	2121180027	DƯƠNG LÂM KHANG	02/07/2003	CCQ2118A		1		6,7	7,0	6,9		
17	2121180028	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	03/07/2003	CCQ2118A		1		7,2	8,5	8,0		
18	2121180072	HUỲNH TRÚC KHOANG	25/05/2003	CCQ2118C		1		7,7	6,5	7,0		
19	2121180104	HOÀNG ĐÌNH LẠNG	15/11/2003	CCQ2118C		1		6,5	6,5	6,5		
20	2121180086	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	27/03/2003	CCQ2118C		1		8,0	6,5	7,1		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002247

Trang : 2/2

Môn học: **Lò hơi (228319) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-30**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Ng Đình Trụ</i>	<i>Thạch Thị Thu Ba</i>	<i>Vũ Đình Nhường</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180091	LÊ TẤN PHƯỚC	25/09/2003	CCQ2118C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121180097	TRẦN KHÁNH QUANG	03/05/2003	CCQ2118C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121180100	NGUYỄN HỮU TÀI	29/01/2002	CCQ2118C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121180090	NGUYỄN NGỌC THẮNG	29/05/2003	CCQ2118C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121180079	KIỀU QUỐC THỌ	24/06/2003	CCQ2118C		1	<i>Th</i>	6,8	6,0	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C		1	<i>Th</i>	5,5	6,5	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121180093	NGUYỄN MINH TRÍ	03/06/2003	CCQ2118C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121180105	LƯ MINH TRUNG	29/08/2003	CCQ2118C		1	<i>Th</i>	6,0	7,0	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121180051	NGUYỄN TÀI TRUNG	16/08/1999	CCQ2118B		1	<i>Th</i>	5,0	5,5	5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120180031	LÊ ĐAN TRƯỜNG	20/01/2000	CCQ2018A		1	<i>Th</i>	6,6	7,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121180077	NGUYỄN MINH TUYẾN	18/06/2003	CCQ2118C		1	<i>Th</i>	7,8	6,5	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121180082	LƯƠNG HỒNG VI	19/04/2003	CCQ2118C		1	<i>Th</i>	7,7	6,0	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121180081	DƯƠNG QUỐC VIỆT	01/06/2003	CCQ2118C		1	<i>Th</i>	7,7	5,5	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2120180069	TRẦN TRỊNH ĐỨC Ý	02/10/2000	CCQ2018B		1	<i>Th</i>	6,3	5,5	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9